

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Được kiểm toán bởi:

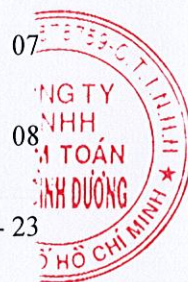
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

MỤC LỤC

Trang

1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 23



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kông Chro (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kông Chro được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 5900187857 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 1993. Đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 22 tháng 04 năm 2021.

Vốn điều lệ 19.110.118.355 đồng
Vốn chủ sở hữu đến thời điểm 31/12/2023 19.110.118.355 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: 77 Lê Lai, TT Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Điện thoại: +84 (269) 3835364
Mã số thuế: 5900187857

Chủ tịch, Ban giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng của Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm có:

- Ông Từ Tấn Lộc	Chủ tịch kiêm Giám đốc	
- Ông Trần Quốc Trung	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/06/2023
- Bà Trần Trọng Quỳnh Uyên	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/06/2023

Ngành nghề kinh doanh

- Trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ và phát triển vốn rừng;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Kinh doanh vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật) các mặt hàng nông sản và dịch vụ sản xuất nông, lâm nghiệp;
- Xây dựng, tư vấn và chuyển giao các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp;
- Tư vấn thiết kế về khai thác gỗ rừng trồng, gỗ rừng tự nhiên, các công trình lâm sinh;
- Khai thác, chế biến và tiêu thụ nông lâm sản.

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ báo cáo

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc kỳ báo cáo đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 17 tháng 04 năm 2024

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc



Từ Tấn Lộc
Giám đốc

Số 047/2024/BCKiTTC-TBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kông Chro, được lập ngày 17 tháng 04 năm 2024, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày cụ thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên lâm nghiệp Kông Chro tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Năm 2023, Công ty ghi nhận 02 nguồn kinh phí sự nghiệp: Nguồn kinh phí hỗ trợ cho các Công ty lâm nghiệp bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng và nguồn kinh phí theo Quyết định 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ cho các Công ty lâm nghiệp bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng nhận được là số tiền cấp bù của các năm trước (đã quyết toán) là 6.105.000.000 đồng và được tạm cấp năm 2023 là 3.795.000.000 đồng, đồng thời ghi nhận khoản chi là 3.795.000.000 đồng (chưa quyết toán). Tại ngày 31/12/2023 số chờ quyết toán là 3.795.000.000 đồng.

- Nguồn theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg nhận được là số tiền cấp của năm 2023 là 33.000.000 đồng, đồng thời ghi nhận khoản chi là 179.355.150 đồng (chưa quyết toán). Tại ngày 31/12/2023, số chờ quyết toán là 179.355.150 đồng. Số dư nguồn kinh phí sự nghiệp tại ngày đầu năm là âm 6.112.625.877 đồng; số dư nguồn kinh phí sự nghiệp tại ngày cuối năm là âm 153.981.027 đồng.

Tính hợp lý của các khoản chi phí này phụ thuộc vào quyết toán chính thức của các cấp có thẩm quyền.

Vấn đề khác

- Báo cáo kiểm toán này được phát hành lại thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 010/2024/BCKiTTTC-TBĐ ký ngày 28 tháng 02 năm 2024. Trong đó, điều chỉnh những mục sau đây:

+ Điều chỉnh giảm số tiền thuế thu nhập cá nhân phải nộp trong năm với số tiền là 4.880.053 đồng và tăng số đã nộp thừa với số tiền là 10.943.885 đồng theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân năm 2023. Đồng thời điều chỉnh tăng số phải trả khác đúng bằng khoản giảm tiền thuế thu nhập cá nhân phải nộp trong năm do thu thừa của người lao động.

+ Điều chỉnh quỹ đầu tư phát triển sang quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Quyết định số 673/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ngày 08/11/2023 về phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2022 của Công ty TNHH Lâm nghiệp Kông Chro với tiền là 87.801.394 đồng.

+ Điều chỉnh giảm nguồn kinh phí do giảm chi sự nghiệp kinh phí hỗ trợ các Công ty lâm nghiệp bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng sang chi phí quản lý doanh nghiệp với số tiền là 184.480.745 đồng. Do đó ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 184.480.745 đồng, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm giảm 36.896.149 đồng.

+ Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này giảm 147.584.596 đồng, còn lại là 602.168.008 đồng.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2024

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

Giám đốc

Kiểm toán viên



NGUYỄN THÀNH ĐỨC

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2023-196-1

NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1725-2023-196-1

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2023	TẠI NGÀY 01/01/2023
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.224.854.834	5.295.496.222
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		857.055.936	484.963.114
1. Tiền	111	V.01	857.055.936	484.963.114
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.000.000.000	4.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	3.000.000.000	4.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.187.143.784	734.328.513
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	1.080.598.154	590.857.646
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	29.597.681	29.597.681
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	76.947.949	113.873.186
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		180.655.114	76.204.595
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06a	113.343.069	24.811.746
2. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	V.11a	67.312.045	51.392.849
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.995.984.324	14.864.551.578
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		172.494.900	172.494.900
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	172.494.900	172.494.900
II. Tài sản cố định	220		2.900.469.544	21.326.250
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	2.900.469.544	21.326.250
Nguyên giá	222		4.133.044.921	1.461.639.921
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.232.575.377)	(1.440.313.671)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		17.822.403.880	14.476.698.428
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.08	17.822.403.880	14.476.698.428
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		100.616.000	194.032.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06b	100.616.000	194.032.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		26.220.839.158	20.160.047.800

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2023	TẠI NGÀY 01/01/2023
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		6.662.533.822	7.074.753.928
I. Nợ ngắn hạn	310		4.376.535.379	5.389.330.978
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	2.695.707.738	2.787.860.184
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11b	161.776.230	136.981.922
3. Phải trả người lao động	314	V.12	393.552.457	379.791.865
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	310.539.424	1.101.876.871
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	814.959.530	982.820.136
II. Nợ dài hạn	330		2.285.998.443	1.685.422.950
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.10b	140.308.000	140.308.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	2.145.690.443	1.545.114.950
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19.558.305.336	13.085.293.872
I. Vốn chủ sở hữu	410^a	V.15	19.712.286.363	19.197.919.749
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		19.110.118.355	19.110.118.355
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	-	87.801.394
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		602.168.008	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		602.168.008	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(153.981.027)	(6.112.625.877)
1. Nguồn kinh phí	431	V.17	(153.981.027)	(6.112.625.877)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		26.220.839.158	20.160.047.800

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 17 tháng 04 năm 2024



Trần Trọng Quỳnh Uyên
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Từ Tấn Lộc
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2023	NĂM 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	3.771.181.154	3.896.605.106
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.981.814	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.763.199.340	3.896.605.106
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	898.357.548	1.451.877.166
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.864.841.792	2.444.727.940
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	308.455.069	271.752.985
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.04	2.817.118.496	2.072.426.208
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		356.178.365	644.054.717
11. Thu nhập khác	31	VI.05	418.320.451	152.685.000
12. Chi phí khác	32	VI.06	10.554.578	6.951.360
13. Lợi nhuận khác	40		407.765.873	145.733.640
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		763.944.238	789.788.357
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	161.776.230	159.347.943
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		602.168.008	630.440.414

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 17 tháng 04 năm 2024

Trần Trọng Quỳnh Uyên
Người lập biểu/Kế toán trưởng

Từ Tấn Lộc
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

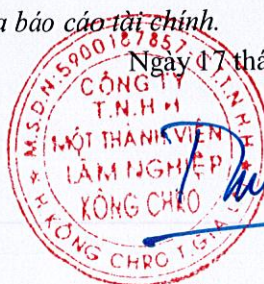
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM 2023	NĂM 2022
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		3.278.771.832	5.125.862.063
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(9.542.758.079)	(4.589.257.518)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.323.278.372)	(2.793.144.097)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(62.425.122)	(383.140.241)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		10.080.515.941	2.577.759.630
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.490.624.833)	(2.795.941.635)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(1.059.798.633)	(2.857.861.798)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(874.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		184.226.686	109.344.400
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.500.000.000)	(3.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.500.000.000	6.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		248.538.769	223.036.318
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.431.891.455	3.332.380.718
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của Doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(83.193.153)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(83.193.153)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		372.092.822	391.325.767
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		484.963.114	93.637.347
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		857.055.936	484.963.114

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 17 tháng 04 năm 2024



Trần Trọng Quỳnh Uyên
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Từ Tấn Lộc
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kông Chro được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 5900187857 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 1993. Đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 22 tháng 04 năm 2021.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH MTV

- Vốn điều lệ: 19.110.118.355 VND

- Vốn thực góp: 19.110.118.355 VND

Trụ sở đặt tại: 77 Lê Lai, TT Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh: Lâm nghiệp

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ và phát triển vốn rừng;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Kinh doanh vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật) các mặt hàng nông sản và dịch vụ sản xuất nông, lâm nghiệp;
- Xây dựng, tư vấn và chuyển giao các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp;
- Tư vấn thiết kế về khai thác gỗ rừng trồng, gỗ rừng tự nhiên, các công trình lâm sinh;
- Khai thác, chế biến và tiêu thụ nông lâm sản.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty trên 12 tháng.

5. Nhân viên

Số lượng cán bộ và nhân viên bình quân trong năm là 43 người.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị không có Công ty con, liên doanh, liên kết và các đơn vị trực thuộc.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Thực tế đích danh

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Trong năm, việc trích lập dự phòng này đơn vị chưa đủ điều kiện để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo phương pháp trên.

4. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

5. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

6. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	47.873.287	44.632.106
Tiền mặt tại quỹ VNĐ	47.873.287	44.632.106
- Tiền gửi ngân hàng VNĐ	809.182.649	440.331.008
Ngân hàng NN & PT Nông thôn Việt Nam - CN Kông Chro	730.910.126	27.995.501
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kông Chro	46.428.878	379.954.785
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	31.843.645	32.380.722
Tổng cộng	857.055.936	484.963.114
2. Các khoản đầu tư tài chính		
Tiền gửi có kỳ hạn VNĐ (*)		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kông Chro	3.000.000.000	4.000.000.000
Tổng cộng	3.000.000.000	4.000.000.000

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến dưới 12 tháng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	31/12/2023	01/01/2023
3. Phải thu khách hàng		
<i>a. Ngắn hạn</i>		
- Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Gia Lai	780.598.154	590.857.646
- Cty TNHH SX Lâm nghiệp Hưng Thịnh	300.000.000	-
Tổng cộng	1.080.598.154	590.857.646

	31/12/2023	01/01/2023
4. Trả trước cho người bán		
<i>a. Ngắn hạn</i>		
- Xí nghiệp tư nhân Hưng Thịnh (a)	29.597.681	29.597.681
Tổng cộng	29.597.681	29.597.681

(a) Là khoản công nợ trả trước người bán ngắn hạn số tiền là 29.597.681 đồng, Công ty chưa nhận được thư xác nhận.

	31/12/2023		01/01/2023	
5. Các khoản phải thu khác	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a. Ngắn hạn</i>				
- Tiền lãi dự thu ngân hàng	59.925.000	-	48.716.667	-
- Tạm ứng	14.000.000	-	62.133.570	-
- Phải thu khác	3.022.949	-	3.022.949	-
Tổng cộng	76.947.949	-	113.873.186	-
<i>b. Dài hạn</i>				
- Phải thu về đầu tư liên kết trồng rừng (b)	172.494.900	-	172.494.900	-
Tổng cộng	172.494.900	-	172.494.900	-

(b) Chi tiết số dư khoản phải thu dài hạn như sau:

+ Chi phí đầu tư cho các hộ dân về các hợp đồng liên kết trồng rừng	172.494.900
Cộng	172.494.900

	31/12/2023	Tăng	Giảm	01/01/2023
6. Chi phí trả trước				
<i>a. Ngắn hạn</i>				
Công cụ, dụng cụ phân bổ	113.343.069	115.409.600	26.878.277	24.811.746
Tổng cộng	113.343.069	115.409.600	26.878.277	24.811.746
<i>b. Dài hạn</i>				
Chi phí PA rừng bền vững	100.616.000	-	93.416.000	194.032.000
Tổng cộng	100.616.000	-	93.416.000	194.032.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
- Số dư đầu năm	628.436.894	712.513.027	120.690.000	1.461.639.921
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.885.189.000	-	-	2.885.189.000
- Thanh lý, nhượng bán	(213.784.000)	-	-	(213.784.000)
Số dư cuối kỳ	3.299.841.894	712.513.027	120.690.000	4.133.044.921
Khấu hao lũy kế				
- Số dư đầu năm	628.436.894	712.513.027	99.363.750	1.440.313.671
- Khấu hao trong kỳ	930.706	-	5.115.000	6.045.706
- Thanh lý, nhượng bán	(213.784.000)	-	-	(213.784.000)
Số dư cuối kỳ	415.583.600	712.513.027	104.478.750	1.232.575.377
Giá trị còn lại				
- Số dư đầu năm	-	-	21.326.250	21.326.250
- Số dư cuối kỳ	2.884.258.294	-	16.211.250	2.900.469.544

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết còn được sử dụng bao gồm:

Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
414.652.894	712.513.027	90.000.000	1.217.165.921
Tại ngày 31/12/2023			



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

8. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
Chi phí trồng rừng:				
Rừng trồng liên kết Hà Thanh 238.2ha 2015	73.308.150	73.308.150	62.058.150	62.058.150
- Rừng 2015 hợp tác cty	276.275.000	276.275.000	158.850.000	158.850.000
Rừng 2016 trồng liên kết Hà Thanh 300.8ha	124.192.539	124.192.539	348.525.234	348.525.234
- Rừng HTNLĐ 8ha	68.662.500	68.662.500	68.662.500	68.662.500
- Rừng 2016 trồng mới 38,5ha	1.347.072.416	1.347.072.416	1.347.072.416	1.347.072.416
- Rừng 2017 Kong Yang	417.982.880	417.982.880	264.478.880	264.478.880
- Rừng 2017 CTy 15.23ha	384.436.588	384.436.588	384.436.588	384.436.588
- Rừng 2018 4,6ha	118.745.685	118.745.685	118.745.685	118.745.685
- Rừng 2019 98.78ha	2.182.074.363	2.182.074.363	2.738.474.216	2.738.474.216
- Rừng 2019 62ha	141.662.000	141.662.000	141.662.000	141.662.000
- Lịch, Hoàng, Sen HT công ty	-	-	169.425.000	169.425.000
- Rừng 2020 CTy 35.5 ha	1.076.398.760	1.076.398.760	991.198.760	991.198.760
- Rừng 2020 hợp tác hộ dân 304.37ha	1.974.170.000	1.974.170.000	1.857.850.000	1.857.850.000
- Rừng 2021 hợp tác hộ dân	4.864.900.000	4.864.900.000	672.901.000	672.901.000
- Rừng công ty 156.63ha	880.060.000	880.060.000	4.121.864.000	4.121.864.000
- Rừng xen canh gỗ lớn 22.34	717.701.000	717.701.000	770.594.000	770.594.000
- Rừng 2022 hợp tác hộ dân	443.300.000	443.300.000	259.900.000	259.900.000
- Rừng 2023 81.41 ha (75.66)	34.047.000	34.047.000	-	-
- Rừng 2023 18.56 ha	912.980.000	912.980.000	-	-
- Rừng 2023 6101 ha	1.128.685.000	1.128.685.000	-	-
- Rừng 2023 hợp tác hộ dân	655.750.000	655.750.000	-	-
Tổng cộng	17.822.403.880	17.822.403.880	14.476.698.428	14.476.698.428

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

9. Phải trả người bán	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn				
Các hộ dân chăm sóc rừng				
- Cao Xuân Quốc	384.651.797	384.651.797	384.651.797	384.651.797
- Đinh Đốt, Sơn	366.020.342	366.020.342	366.020.342	366.020.342
- Đào Văn lịch	125.362.717	125.362.717	125.362.717	125.362.717
- Sơn, Tuấn, Quốc	67.847.901	67.847.901	267.847.901	267.847.901
- Lê Kim Sơn	484.464.000	484.464.000	648.310.000	648.310.000
- Công ty TNHH TV Lâm nghiệp Nguyễn Lân	-	-	176.080.000	176.080.000
- Lê Văn Trung	-	-	71.910.508	71.910.508
- Phạm Văn Tài	45.415.813	45.415.813	45.415.813	45.415.813
- Võ Đình Chung	-	-	37.698.038	37.698.038
- Sơn, Tâm, Quốc	1.367.517	1.367.517	301.367.517	301.367.517
- Đinh Hươu, Lê Kim Sơn	264.380.651	264.380.651	264.380.651	264.380.651
- Lê Đức Vũ	-	-	98.814.900	98.814.900
- Công ty Cổ phần tư vấn và Xây dựng Thành An	772.813.000	772.813.000	-	-
- Công ty TNHH MTV TV TK XD Đại Sơn	77.940.000	77.940.000	-	-
- CTY TNHH ĐT và XD An Lộc Tiến	93.052.000	93.052.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Tư vấn và xây dựng Hoàng Thiên Hà	2.329.000	2.329.000	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng Tuấn Dương Phát	10.063.000	10.063.000	-	-
Tổng cộng	2.695.707.738	2.695.707.738	2.787.860.184	2.787.860.184

10. Người mua trả tiền trước	31/12/2023		01/01/2023	
b. Dài hạn				
- Hộ gia đình Phan Đoàn Trần Hòa		39.600.000		39.600.000
- Hộ gia đình Trương Thị Thu Hiền		27.324.000		27.324.000
- Hộ gia đình Phan Trần Hiền		26.400.000		26.400.000
- Các đối tượng khác		46.984.000		46.984.000
Tổng cộng		140.308.000		140.308.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

11. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2023
Thuế giá trị gia tăng	(6.000.000)	6.483.000	483.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	62.425.122	161.776.230	62.425.122	161.776.230
Thuế thu nhập cá nhân	(12.476.479)	2.032.513	499.919	(10.943.885)
Thuế tài nguyên	(32.916.370)	-	-	(32.916.370)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	6.216.327	29.668.117	(23.451.790)
Lệ phí môn bài		3.000.000	3.000.000	-
Các loại thuế khác	74.556.800	-	74.556.800	-
Tổng cộng	85.589.073	179.508.070	170.632.958	94.464.185

a. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2023	01/01/2023
Thuế giá trị gia tăng	-	6.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	10.943.885	12.476.479
Thuế tài nguyên	32.916.370	32.916.370
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	23.451.790	-
Tổng cộng	67.312.045	51.392.849

b. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	31/12/2023	01/01/2023
Thuế giá trị gia tăng	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	161.776.230	62.425.122
Các loại thuế khác	-	74.556.800
Tổng cộng	161.776.230	136.981.922

12. Phải trả công nhân viên

	31/12/2023	01/01/2023
- Phải trả công nhân viên	393.552.457	379.791.865
Tổng cộng	393.552.457	379.791.865

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	31/12/2023	01/01/2023		
13. Phải trả khác				
a. Ngắn hạn				
- Kinh phí công đoàn	-	18.199		
- Bảo hiểm xã hội	-	18.222.984		
- Bảo hiểm y tế	-	3.942.900		
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	2.149.896		
- Thu tiền hộ dân QĐ 38	291.781.200	109.344.400		
- Chênh lệch khoản ngân sách đầu tư trồng rừng 2014-2015	-	949.197.641		
- Các khoản phải trả khác	18.758.224	19.000.851		
Tổng cộng	310.539.424	1.101.876.871		
b. Dài hạn				
- Chênh lệch khoản ngân sách đầu tư trồng rừng 2014-2015	949.197.641	-		
- Hỗ trợ trồng rừng của dự án FLITCH (c)	1.195.674.950	1.545.114.950		
- Các khoản phải trả khác	817.852	-		
Tổng cộng	2.145.690.443	1.545.114.950		
Chi tiết số dư khoản Hỗ trợ trồng rừng của dự án FLITCH như sau:				
Số phải nộp về Quỹ Bảo vệ và rừng Gia Lai (cv số 698 ngày 19/3/2021)	1.195.674.950	1.195.674.950		
Phần còn lại chưa k/c thu nhập của rừng 2014	349.440.000	349.440.000		
Kết chuyển thu nhập khác của rừng 2014	(349.440.000)	-		
Cộng	1.195.674.950	1.545.114.950		
(c) Là khoản tiền được hỗ trợ trồng rừng của dự án FLITCH. Căn cứ công văn số 698/SNNPTNT-TTr của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Gia Lai ngày 19/03/2021 về việc thông báo đến các đơn vị là chủ rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai nộp trả lại giá trị sản phẩm sau khai thác. Theo đó, số tiền Công ty phải nộp về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Gia Lai là 1.767.531.500 đồng, ngày 11/06/2021 đã nộp 571.856.550, số còn phải nộp là 1.195.674.950 đồng. Đến thời điểm chốt số liệu lập báo cáo tài chính này, toàn bộ diện tích rừng được tài trợ của dự án FLitch đã được khai thác hết, Công ty đã ghi nhận số tiền chênh lệch được hưởng vào thu nhập khác của Công ty với số tiền 349.440.000 đồng.				
14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi				
	31/12/2023	Tăng	Giảm	01/01/2023
Quỹ khen thưởng	440.860.179	43.900.697	222.162.000	619.121.482
Quỹ phúc lợi	374.099.351	43.900.697	33.500.000	363.698.654
Tổng cộng	814.959.530	87.801.394	255.662.000	982.820.136

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2022	18.923.090.790	270.220.718	-	19.193.311.508
- Tăng vốn năm trước	270.220.718	(270.220.718)	-	-
- Lãi trong năm	-	-	630.440.414	630.440.414
- Nộp lại ngân sách về chênh lệch vốn điều lệ	(83.193.153)	-	-	(83.193.153)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	87.801.394	(87.801.394)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(542.639.020)	(542.639.020)
Số dư tại 31/12/2022	19.110.118.355	87.801.394	-	19.197.919.749
- Lãi trong năm	-	-	602.168.008	602.168.008
- Giảm quỹ đầu tư phát triển theo QĐ 673 QĐ-UBND ngày 8/11/2023 về phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận trích lập các quỹ năm 2022	-	(87.801.394)	87.801.394	
- Tăng quỹ khen thưởng phúc lợi theo QĐ 673 QĐ-UBND ngày 8/11/2023 về phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận trích lập các quỹ năm 2022	-	-	(87.801.394)	(87.801.394)
Số dư tại 31/12/2023	19.110.118.355	-	602.168.008	19.712.286.363

CÔNG
TNH
KIỂM T
TÀI CHÍNH
PHỔ H

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	31/12/2023	01/01/2023
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn đầu tư của nhà nước (UBND tỉnh Gia Lai)	19.110.118.355	19.110.118.355
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2023	Năm 2022
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	19.110.118.355	18.923.090.790
Tăng trong năm	-	270.220.718
Giảm trong năm	-	(83.193.153)
- Vốn góp cuối năm	19.110.118.355	19.110.118.355
16. Quỹ đầu tư phát triển	Năm 2023	Năm 2022
- Số dư đầu năm	87.801.394	270.220.718
Tăng từ trích LNST	-	87.801.394
Điều chuyển quỹ đầu tư phát triển sang vốn chủ sở hữu	-	(270.220.718)
Điều chỉnh quỹ đầu tư phát triển sang quỹ khen thưởng, phúc lợi theo QĐ 673 QĐ-UBND ngày 8/11/2023	(87.801.394)	-
- Số dư cuối năm	-	87.801.394
17. Nguồn kinh phí và quỹ khác	Năm 2023	Năm 2022
a. Nguồn kinh phí (*)		
- Số dư đầu năm	(6.112.625.877)	(4.246.015.309)
- Tăng trong năm	9.933.000.000	1.941.864.000
Nguồn kinh phí cấp bù hỗ trợ các Cty lâm nghiệp bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng các năm trước	6.105.000.000	1.885.864.000
Nguồn kinh phí tạm cấp hỗ trợ các Cty lâm nghiệp bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng năm 2023	3.795.000.000	-
Nguồn kinh phí được cấp theo QĐ 42	33.000.000	56.000.000
- Giảm trong năm	(3.974.355.150)	(3.808.474.568)
Chi sự nghiệp nguồn QĐ 42	(179.355.150)	(63.653.040)
Số không được quyết toán		50.558.472
Chi sự nghiệp kinh phí hỗ trợ các Cty lâm nghiệp bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng	(3.795.000.000)	(3.795.380.000)
- Số dư cuối năm	(153.981.027)	(6.112.625.877)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(*) Năm 2023, Công ty ghi nhận 02 nguồn kinh phí sự nghiệp: Nguồn kinh phí hỗ trợ cho các Công ty lâm nghiệp bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng và nguồn kinh phí theo Quyết định 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ cho các Công ty lâm nghiệp bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng nhận được là số tiền cấp bù của các năm trước (đã quyết toán) là 6.105.000.000 đồng và được tạm cấp năm 2023 là 3.795.000.000 đồng, đồng thời ghi nhận khoản chi là 3.795.000.000 đồng (chưa quyết toán). Tại ngày 31/12/2023 số chờ quyết toán là 3.795.000.000 đồng.

- Nguồn theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg nhận được là số tiền cấp của năm 2023 là 33.000.000 đồng, đồng thời ghi nhận khoản chi là 179.355.150 đồng (chưa quyết toán). Tại ngày 31/12/2023, số chờ quyết toán là 179.355.150 đồng. Số dư nguồn kinh phí sự nghiệp tại ngày đầu năm là âm 6.112.625.877 đồng, số dư nguồn kinh phí sự nghiệp tại ngày cuối năm là âm 153.981.027 đồng.

Tính hợp lý của các khoản chi phí này phụ thuộc vào quyết toán chính thức của các cấp có thẩm quyền.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Năm 2023	Năm 2022
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.771.181.154	3.896.605.106
<i>trong đó:</i>		
Doanh thu bán gỗ rừng trồng	2.288.568.000	2.267.960.000
Doanh thu dịch vụ môi trường rừng	1.482.613.154	1.628.645.106
Các khoản giảm trừ doanh thu:	7.981.814	-
Điều chỉnh giảm doanh thu DVMTR năm 2022 theo biên bản làm việc của Quỹ BV và phát triển rừng tỉnh Gia Lai	7.981.814	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.763.199.340	3.896.605.106
2. Giá vốn hàng bán	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn	898.357.548	1.451.877.166
Tổng cộng	898.357.548	1.451.877.166
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi	308.455.069	271.752.985
Tổng cộng	308.455.069	271.752.985
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nhân viên quản lý	1.452.344.456	328.608.472
Chi phí đồ dùng văn phòng	37.366.654	69.498.851
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.045.706	5.115.000
Thuế, phí và lệ phí	9.216.327	88.742.095
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.012.226	165.577.015
Chi phí bằng tiền khác	1.213.133.127	1.414.884.775
Tổng cộng	2.817.118.496	2.072.426.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Năm 2023	Năm 2022
5. Thu nhập khác		
Thu nhập từ thanh lý tài sản	4.830.000	-
Thu nhập từ HĐ liên danh FLITCH	349.440.000	152.685.000
Thu nhập khác	64.050.451	-
Tổng cộng	418.320.451	152.685.000
6. Chi phí khác		
Chi phí khác	10.554.578	6.951.360
Tổng cộng	10.554.578	6.951.360
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	763.944.238	789.788.357
Cộng các khoản chi phí không được trừ	44.936.912	6.951.360
Thu nhập tính thuế	808.881.150	796.739.717
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Tiền thuế TNDN	161.776.230	159.347.943
Chi phí thuế TNDN hiện hành	161.776.230	159.347.943
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nhân công, nhân viên	2.350.702.004	1.780.485.638
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.045.706	5.115.000
Chi phí thuế, phí và lệ phí	9.216.327	88.742.093
Chi phí dịch vụ mua ngoài	136.378.880	235.075.866
Chi phí khác bằng tiền	1.213.133.127	1.414.884.775
Tổng cộng	3.715.476.044	3.524.303.374

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không phát sinh

2. Thông tin về các bên liên quan*Các bên liên quan bao gồm:***Bên liên quan**

- Ông Từ Tấn Lộc

- Ông Trần Quốc Trung

- Bà Trần Trọng Quỳnh Uyên

Mối quan hệ

Chủ tịch kiêm Giám đốc

Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Bổ nhiệm ngày 01/06/2023

Bổ nhiệm ngày 01/06/2023

3. Thu nhập của các cán bộ quản lý chủ chốt

Thu nhập

Năm 2023	Năm 2022
748.829.200	804.610.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

4. Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm 2023 được điều chỉnh theo Báo cáo tài chính điều chỉnh năm 2022 của Công ty ký ngày 01/02/2024. Thực hiện Quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh Gia Lai V/v nộp phần chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu với vốn điều lệ của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100 % vốn điều lệ vào ngân sách nhà nước. Theo đó Công ty phải nộp 83.193.153 đồng vào ngân sách nhà nước. Theo nguyên tắc phải trích nộp từ nguồn Quỹ đầu tư và phát triển (mã số 418), tuy nhiên khi thực hiện kế toán trích nộp từ nguồn Vốn góp của chủ sở hữu (mã số 411) dẫn đến chênh lệch Vốn góp của chủ sở hữu đầu kỳ (01/01/2022) và cuối kỳ (31/12/2022). Công ty điều chỉnh nộp phần chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu với vốn điều lệ từ nguồn Vốn góp của chủ sở hữu (mã số 411) sang nguồn Quỹ đầu tư và phát triển (mã số 418) cho phù hợp với quy định. Số liệu điều chỉnh cụ thể như sau:

Các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán	Theo BC kiểm toán phát hành ngày 29/03/2023	Theo BCTC của đơn vị tại ngày 01/02/2024	Chênh lệch
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	13.085.293.872	13.085.293.872	-
I. Vốn chủ sở hữu	19.197.919.749	19.197.919.749	-
1. Vốn góp của chủ sở hữu	18.839.897.637	19.110.118.355	270.220.718
2. Quỹ đầu tư phát triển	358.022.112	87.801.394	(270.220.718)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	(6.112.625.877)	(6.112.625.877)	-
1. Nguồn kinh phí	(6.112.625.877)	(6.112.625.877)	-

5. Thông tin về hoạt động liên tục:

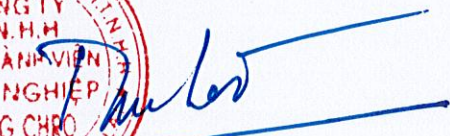
Không có sự kiện hoặc điều kiện nào có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

6. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2023 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

Ngày 17 tháng 04 năm 2024


Trần Trọng Quỳnh Uyên
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Từ Tấn Lộc
Giám đốc